

Số: 21/2020/TB-NTW

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN
ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch**

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251 3560 574 **Fax:** 0251 3560 031

Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Văn Bình.**

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0933.888.134.

Fax: 0251 3560 031

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2019 ngày 25/03/2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch).

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 25/03/2020 tại đường dẫn <http://ntw.com.vn/quan-he-co-dong.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nhơn Trạch, ngày 25 tháng 03 năm 2020

TUQ. GIÁM ĐỐC

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Bình

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty;
- Lưu VT, HĐQT;

NTW

2019



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: (0251) 3 560 574

Số fax: (0251) 3 560 031

Website: www.ntw.com.vn

Email: daidowaco@yahoo.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

05

THÔNG TIN CHUNG

**BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

51

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

19

55

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

29

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM**

QUẢN TRỊ CÔNG TY

61

**BÁO CÁO CỦA
BAN GIÁM ĐỐC**

41

71

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**



THÔNG TIN CHUNG

- * Thông tin khái quát
- * Quá trình hình thành và phát triển
- * Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- * Định hướng phát triển
- * Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- * Rủi ro

THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
Tên Tiếng Anh	NHON TRACH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	NTW
Giấy CN ĐKDN	3600977120 đăng ký thay đổi lần 08 ngày 05 tháng 07 năm 2019
Vốn điều lệ	100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng)
Địa chỉ	KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại	(0251) 3 560 574
Số fax	(0251) 3 560 031
Website	www.ntw.com.vn
Email	daidowaco@yahoo.com
Mã cổ phiếu	NTW

Logo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch



● 1997

Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch – đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai – được thành lập theo quyết định số 03/XD.QĐ ngày 08/04/1997 của Sở xây dựng Đồng Nai.

● 2007

Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch theo Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 24/09/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai.

● 2012

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên sàn UPCOM với mã NTW, vốn điều lệ là 50 tỷ đồng.

● 2017

Tiếp tục thực hiện tăng vốn điều lệ thành công sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn của chủ sở hữu, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 75 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng.

● 2019

Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 8 vào ngày 05/07/2019, thay đổi địa chỉ do điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính.

● 2004

UBND tỉnh Đồng Nai ra quyết định thành lập số 36/QĐ.CT.UBT

● 2008

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.

● 2016

Thực hiện thành công đợt tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Vốn điều lệ của NTW dựa trên báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 là 75 tỷ đồng.

● 2018

Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 7 vào ngày 15/05/2018, Ông Ngô Dương Đại trở thành người đại diện theo pháp luật.

NTW

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hiện nay Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (NTW) đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:



Khai thác, xử lý và cung cấp nước

- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt
- Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp
- Phân phối nước sạch



Xây dựng công trình công ích

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước
- Xây dựng trạm bơm



Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí

- Lắp đặt ống cấp, thoát nước, bơm nước



Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan

- Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình
- Xây dựng, hoàn thiện công trình cấp nước

ĐỊA BÀN KINH DOANH KINH DOANH

Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (NTW) có địa bàn hoạt động kinh doanh chủ yếu tại Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Là một doanh nghiệp trong lĩnh vực cấp nước hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đặt ra cho mình các mục tiêu phát triển chủ yếu như sau:

- Đảm bảo cung cấp nước ổn định cho địa bàn hoạt động.
- Duy trì chất lượng nước cung cấp đúng tiêu chuẩn của Bộ Y tế.
- Tối đa hóa lợi ích kinh tế của Cổ đông đi đôi với phát triển bền vững.
- Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển mạnh mẽ.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Để thực hiện những mục tiêu đã đề ra, Công ty đã xây dựng các chiến lược trung và dài hạn:

- Kiểm soát giá vốn hàng bán: Phần lớn giá vốn hàng bán của Công ty đến từ chi phí mua nước, chi phí mua các hoá chất như Sút (NaOH), Javen để xử lý nước, ngoài ra còn có chi phí điện năng để vận hành các máy móc. Các chi phí trên cần được kiểm soát nhằm giúp Công ty tối đa hoá lợi nhuận.
- Đảm bảo chất lượng nước: Công ty luôn chú trọng vào công tác đảm bảo chất lượng nguồn nước, bằng cách nâng cấp hệ thống xử lý nước, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, đồng thời thực hiện sửa chữa, bảo trì hệ thống đường ống đúng hạn và định kỳ.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự: Hằng năm Công ty đều có chương trình đào tạo nhân sự, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng các nhu cầu về chuyên môn, kỹ thuật, động viên người lao động phát huy tính năng động sáng tạo bằng chính sách lương thưởng phù hợp. Nhu cầu về nguồn nhân lực và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực là nhu cầu hết sức quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Việc đào tạo được đội ngũ nhân lực lành nghề không những nâng cao hiệu suất làm việc, còn giúp tiết kiệm chi phí, mang lại lợi nhuận tốt hơn và vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối nước sạch, đây là hoạt động có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng. Ý thức được vai trò trách nhiệm của mình, Công ty luôn có những mục tiêu cụ thể góp phần bảo vệ môi trường và đóng góp cho xã hội, cộng đồng:

Đối với môi trường

Yếu tố môi trường là yếu tố quan trọng trong mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Trong những năm qua, Công ty không ngừng nỗ lực thực hiện song song các hoạt động kinh doanh, sản xuất đi cùng với các biện pháp bảo vệ môi trường:

- Công ty tuân thủ các quy định của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Nai về khai thác và sử dụng nguồn nước ngầm để tránh cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên.
- Cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ trong quá trình sản xuất, thi công xây lắp, và có những giải pháp, sáng kiến khác nhằm tăng hiệu suất và hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm môi trường phát sinh.

Đối với xã hội, cộng đồng

Bên cạnh hoạt động sản xuất, Công ty cũng tích cực thực hiện những hoạt động đóng góp thiết thực cho xã hội, cộng đồng:

- Chất lượng nước luôn đảm bảo được các chỉ tiêu Lý – Hoá và Vi sinh theo tiêu chuẩn của Bộ y tế để đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp cho người dân.
- Công ty luôn cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ hiện đại, cải cách thủ tục để đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục, ổn định, kịp thời, với chất lượng đạt tiêu chuẩn cho mọi nhu cầu của người dân và khách hàng doanh nghiệp.
- Để đảm bảo nguồn nước an toàn và đồng nhất cho mọi khách hàng, Công ty thường xuyên tổ chức rà soát mạng lưới cấp nước, các trạm bơm, biến áp,
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động từ thiện, quyên góp hỗ trợ các đối tượng khó khăn của các xã trên địa bàn huyện Nhơn Trạch.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của NTW được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

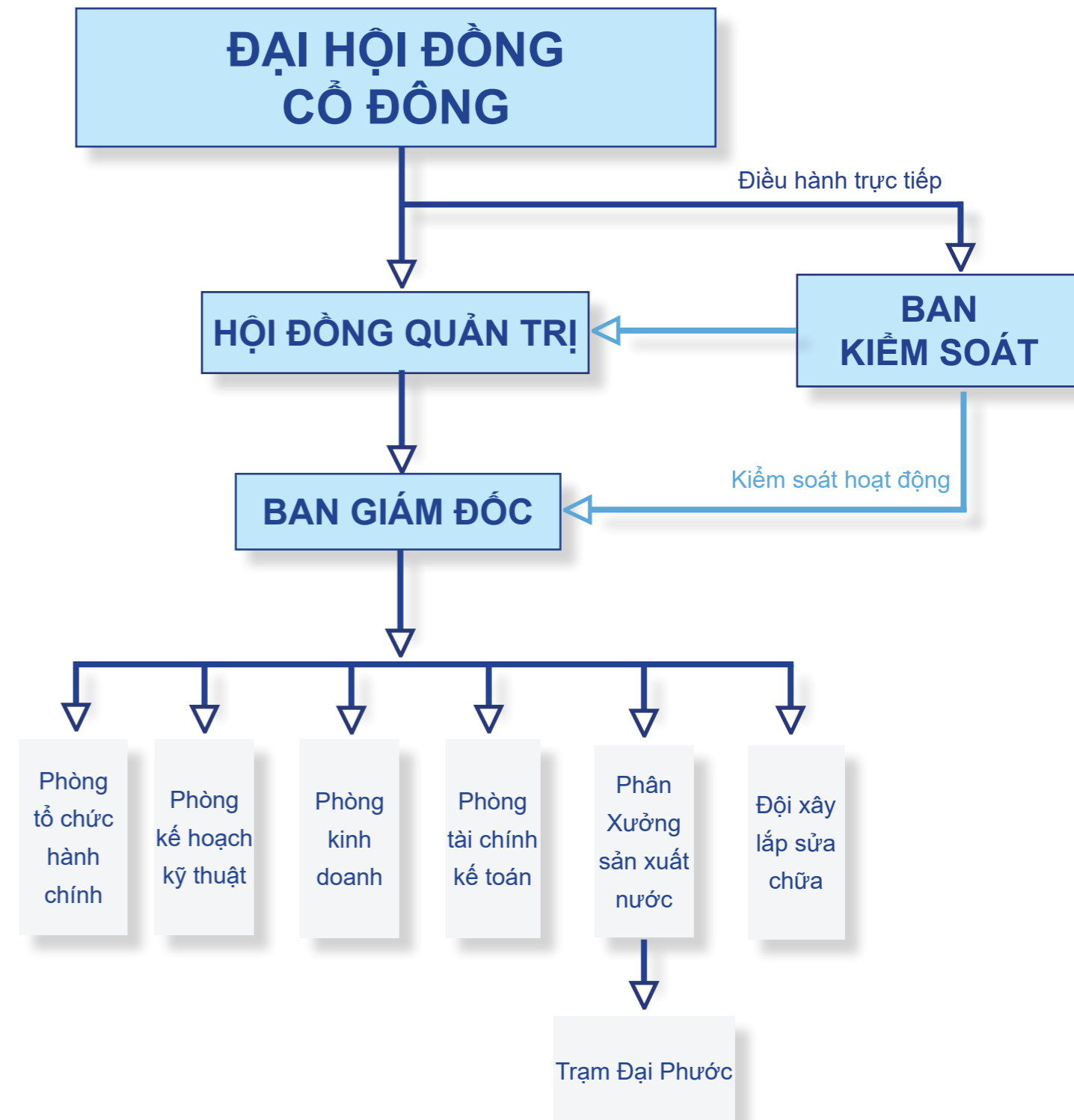
- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị Công ty
- Ban kiểm soát
- Ban Giám đốc
- Phòng chuyên môn nghiệp vụ

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (NTW) không có công ty con và công ty liên kết.



CƠ CẤU TỔ CHỨC



RỦI RO KINH TẾ

Nhìn chung tình hình kinh tế trong nước ổn định, ít bị tác động bởi tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới đang chậm lại do cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung kéo dài.

Xét về địa bàn hoạt động, Công ty hoạt động chủ yếu ở khu vực huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai, là nơi có tiềm năng phát triển kinh tế lớn và tốc độ đô thị hoá nhanh. Nhơn Trạch đang sở hữu thế mạnh về cả dịch vụ cảng, công nghiệp, đồng thời đang đẩy mạnh phát triển hạ tầng và liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh. Thế mạnh này đang giúp Nhơn Trạch ngày càng nhận được nhiều nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, thu hút nguồn lao động ở các nơi đổ về. Từ đây nhu cầu về sử dụng nước cũng tăng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho NTW phát triển.



RỦI RO PHÁP LUẬT

NTW là một Công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên sàn Upcom, hoạt động của Công ty luôn chịu sự chi phối của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế, Luật lao động... Hoạt động chủ yếu của công ty là cung cấp nước sạch đến các hộ dân cư trong khu vực. Đây là một hoạt động chịu sự quản lý trực tiếp của Nhà nước, Công ty phải tuân thủ các quy định do Nhà nước ban hành về chất lượng và giá cả. Ngoài ra, kể từ năm 2018, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 844/QĐ-UBND về phê duyệt danh mục vùng cấm, vùng hạn chế, vùng buộc phải đăng ký khai thác nước dưới đất đối với huyện Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Thành phố Biên Hoà. NTW đã niêm phong các giếng khoan nước ngầm trong các khu vực theo quy định.

Đặc thù ngành cấp thoát nước còn phải chịu sự quản lý của các luật liên quan khác như Luật giá, Luật Phí và lệ phí, Luật tài nguyên nước, Luật xây dựng, Luật bảo vệ môi trường... Hệ thống khung pháp lý cho ngành cấp thoát nước hiện nay đang được từng bước hoàn thiện, vừa thể hiện hiệu lực quản lý của Nhà nước, cũng vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngành. Khi hệ thống khung pháp lý được thiết lập rõ ràng và chặt chẽ, giúp cho Công ty chủ động hơn trong việc vận hành, đảm bảo tránh các rủi ro về pháp luật. Công ty luôn chủ động nắm bắt tình hình thay đổi các quy định có liên quan để kịp thời điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty không tránh khỏi việc ảnh hưởng đến môi trường, cụ thể: hoạt động khai thác nước tác động đến nguồn nước ngầm; các máy móc trong lúc vận hành để khai thác và xử lý nước cũng tiêu tốn nhiên liệu và tạo ra lượng chất thải nhất định cho môi trường; các hoá chất để xử lý nước nếu xảy ra rò rỉ cũng sẽ gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Là một công ty đi đầu trong việc khai thác và cung cấp nước sạch cho khu vực, vấn đề bảo vệ môi trường cần được đặt lên hàng đầu. Công ty luôn tuân thủ quy trình xử lý sau sản xuất, bảo quản nghiêm ngặt các hoá chất dùng cho việc lọc nước; tối ưu hoá công suất và hiệu suất làm việc, loại bỏ công nghệ lạc hậu, để giảm thiểu hao phí nguồn tài nguyên thiên nhiên (nước, nhiên liệu) trong quá trình sản xuất.

RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là nước. Nguồn nước ngầm hiện nay đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi hạn hán, ngập mặn. Tốc độ đô thị hoá và công nghiệp hoá đang tăng lên, các khu công nghiệp mọc lên liên tục, điều này làm tăng nhu cầu sử dụng nước trong khu vực nhưng cũng làm tăng các chất thải công nghiệp, tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường và nguồn nước. Bên cạnh đó, việc lạm dụng phân bón hoá học, thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp nhưng không có biện pháp xử lý thích hợp, lượng phân bón dư thừa ngấm vào đất gây ô nhiễm nguồn nước ngầm.

Để đảm bảo chất lượng nguồn nước và uy tín cho Công ty, công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nguồn nước đầu vào là công tác không thể thiếu. Công ty luôn chủ động tìm kiếm những nguồn nước chất lượng, đẩy mạnh cải tiến công nghệ lọc nước để đảm bảo sản phẩm đầu ra đạt tiêu chuẩn Bộ y tế đưa ra theo QCVN 02:2009/BYT và thông tư 05/2009/TT-BYT.

RỦI RO VỀ THẮT THOÁT NƯỚC

NTW hoạt động chủ yếu là xử lý và cung cấp nước sinh hoạt, việc thất thoát nước trong quá trình hoạt động là không thể tránh khỏi. Thất thoát nước có thể do nhiều nguyên nhân như đường ống nước bị bể do thời gian khai thác đã lâu, do chất lượng công tác thi công lắp đặt và chất lượng vật tư, đường ống không tốt, đồng hồ chạy không chính xác, bể ống nước khi đào đường trong quá trình xây dựng các công trình khác. Bên cạnh đó, việc gian lận, phổ biến nhất là người dùng khoan thẳng vào đường ống chính để lắp đặt đường ống nước riêng, để sử dụng nước không qua đồng hồ nước, đã dẫn đến sự hư hỏng của đường ống nước, làm thất thoát nước.

Hiện nay công tác hạn chế thất thoát nước gặp nhiều khó khăn do những nguyên nhân trên khó nhận biết và xử lý ngay. Công ty luôn nỗ lực thực hiện các biện pháp để phòng tránh thất thoát nước, tiến hành chia nhỏ khu vực, phân vùng tách mạng, bố trí cán bộ theo dõi để kiểm soát việc thất thoát nước theo khu vực; rà soát, kiểm tra lại các đường ống nước, van khoá, trạm bơm, sửa chữa kịp thời khi có sự cố bể ống cấp nước, kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào, kiểm định đồng hồ quá thời hạn sử dụng 05 năm, nâng cao chất lượng lắp đặt,... cùng với cải tạo, nâng cấp, thay mới những phần không đạt yêu cầu.

RỦI RO Ô NHIỄM HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

Hệ thống cấp nước là một cơ sở hạ tầng lớn và liên mạch với nhau, bất kể một sự cố nào gây ô nhiễm thì toàn bộ hệ thống sẽ gặp vấn đề. Việc giải quyết hậu quả là rất khó khăn, thiệt hại cũng rất lớn. Quan trọng hơn cả, nước sạch gắn liền với sinh hoạt hằng ngày của người dân, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ, đời sống của người dân. Hệ thống cấp nước lại là hệ thống cố định, nếu xảy ra sự cố, Công ty sẽ không thể thay đổi nguồn cấp nước ngay lập tức cho người dân. Nên công tác phòng tránh ô nhiễm được đặt lên hàng đầu.

Để phòng tránh rủi ro ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt cung cấp cho người dân, ngoài nâng cao chất lượng xử lý nước, Công ty cũng chú trọng kiểm soát nghiêm ngặt hệ thống phân phối nước, tu sửa bảo trì các đường ống, đảm bảo hệ thống kín kẽ, tránh tác động xấu từ bên ngoài gây ảnh hưởng nguồn nước cung cấp cho người dân. Theo dõi sát sao tình hình trong khu vực hoạt động, để có những biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời, nhanh chóng.

RỦI RO KHÁC

Các thiên tai như gió bão, lũ lụt, cháy nổ,... tuy ít khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động của công ty. Công ty luôn thực hiện các biện pháp phòng tránh cũng như theo dõi diễn biến các sự kiện trên nếu có xảy ra, để luôn có kế hoạch phòng tránh thích hợp, đảm bảo hoạt động của Công ty.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- * Hội đồng quản trị
- * Ban Điều hành công ty
- * Ban kiểm soát
- * Những thay đổi trong Ban điều hành
- * Tình hình nhân sự và Chính sách đối với người lao động

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Bính	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên HĐQT
Ông Trần Văn Thùy	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Viết Hưng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Bính - Chủ tịch HĐQT

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 1.843.736 cổ phần - tỷ lệ 18,44% vốn điều lệ

Ông Ngô Dương Đại - Thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 1.400.000 cổ phần - tỷ lệ 14% vốn điều lệ

Ông Trần Văn Thùy – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1600 cổ phần

Đại diện phần vốn: 1.200.000 cổ phần - tỷ lệ 12,016% vốn điều lệ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Viết Hưng – Thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 60.000 cổ phần

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Ông Nguyễn Văn Hồng - Thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 382.465 cổ phần – tỷ lệ 3,825% vốn điều lệ

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên Ban điều hành	Chức vụ
Ông Ngô Dương Đại	Giám đốc
Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Thùy	Kế toán trưởng

ÔNG NGÔ DƯƠNG ĐẠI

Năm sinh	1979
Nơi sinh	Hưng Yên
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Anh văn
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phần
Đại diện phần vốn	1.400.000 cổ phần – tỷ lệ 14% vốn điều lệ

Quá trình công tác

2001 - 2005	Nhân viên Phòng QLĐT&XD CB Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
2006 – 2008	Phó phòng Phòng QLĐT&XD CB Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
2008 – 2010	Phó phòng Phòng KHKT-BQL Dự án Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
2010 – 2012	Phó Giám đốc Ban quản lý các dự án Cấp nước - Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
2001 - 05/2012	Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
06/2012 - Nay	Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

ÔNG NGUYỄN LƯƠNG THẮNG

Năm sinh	1975
Nơi sinh	Thanh Hoá
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện khí hoá
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	20.000 cổ phần – tỷ lệ 0,2% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn	0 cổ phần – tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

05/2002 - 06/2012	Công nhân - Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
06/2012 - 04/2017	Phó Quản đốc - Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
04/2017 - 07/2018	Quản đốc - Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
07/2018 - nay	Phó Giám đốc - Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

Ông Trần Văn Thùy

Năm sinh	1979
Nơi sinh	Nam Định
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	1.600 cổ phần – tỷ lệ 0,016% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn	1.200.000 cổ phần – tỷ lệ 12,016% vốn điều lệ

Quá trình công tác

06/2002 – 04/2006	Công nhân tại Xí nghiệp nước Nhơn Trạch
05/2006 – 02/2008	Nhân viên phòng Tổng hợp – Xí nghiệp nước Nhơn Trạch
03/2008 – 05/2010	Nhân viên phòng TCKT – Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
06/2010 – 12/2010	Phụ trách phòng TCKT – Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
01/2011 – 04/2015	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
05/2015 - 05/2018	Trưởng ban kiểm soát – Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
05/2018 – nay	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng Ban
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Hải	Thành viên

Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh – Trưởng Ban kiểm soát

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00%
Đại diện phần vốn: 800.000 cổ phần - tỷ lệ 8% vốn điều lệ

Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm – Thành viên Ban kiểm soát

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 166.600 cổ phần - tỷ lệ 1.67% vốn điều lệ
Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Ông Nguyễn Bá Hải – Thành viên Ban kiểm soát

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2019, Công ty không có sự thay đổi về Ban điều hành.

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Tổng số lao động năm 2019 là 89 người

STT	Tiêu chí	2018	2019	Tỷ trọng 2019(%)
A	Theo trình độ	93	89	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	42	39	43,82%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	6	6	6,74%
3	Khác	44	44	49,44%
B	Theo địa bàn công tác	93	89	100,00%
1	Nhà máy nước Nhơn Trạch	79	75	84,27%
2	Trạm đại Phước	14	14	15,73%
C	Theo trình độ lao động	93	89	100,00%
1	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	58	54	60,67%
2	Trình độ bậc thợ	35	35	39,33%

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Đơn vị: Nghìn đồng/người/tháng

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2015	7.250
2	2016	9.950
3	2017	10.500
4	2018	13.600
5	2019	12.568

Trong năm 2019, Công ty tiếp tục tổ chức các đợt tập huấn cho cán bộ công nhân viên kiến thức về Luật xây dựng, Luật thuế, Luật lao động, chứng chỉ hành nghề thiết kế, giám sát thi công công trình... cùng các khoá bồi dưỡng năng lực chuyên môn. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng chính sách tiền lương, thưởng, chính sách phúc lợi ngày lễ, tết cho cán bộ công nhân viên, đồng thời trích lập BHYT, BHXH, BHNT theo đúng quy định để đảm bảo đời sống người lao động được cải thiện, an tâm công tác.



CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công tác đoàn thể chính trị

Công tác Đảng:

- Tổng số Đảng viên là 19 đảng viên.
- Trong năm 2019, chi bộ đã lãnh đạo CB.CNV và các tổ chức đoàn thể hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt kế hoạch SXKD được giao. Đảng viên và CBCNV thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công tác công đoàn:

- Tổng số đoàn viên công đoàn là 87/89. Hàng tháng kết hợp cùng Chính quyền, công đoàn bình xét thi đua, thăm hỏi CB - CNV ốm đau, hiếu, hỷ theo quy định. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động sản xuất an toàn.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Chủ trương về chính sách lương thưởng và phúc lợi của Công ty luôn rõ ràng, minh bạch, dựa trên tiêu chuẩn chung về mức sống trong khu vực và phù hợp với quy định của pháp luật. Chính sách lương thưởng, phúc lợi được Công ty chú trọng, dựa trên cấp bậc và mức độ đóng góp cho Công ty nhằm tạo động lực cho cán bộ công nhân viên, khuyến khích nhân viên làm việc sáng tạo, hiệu quả hơn, chấp hành chính sách, pháp luật và quy định của Công ty.

Ngoài ra, những quy định về Luật lao động, Luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và một số quy định khác theo pháp luật đều được Công ty thực hiện đầy đủ. Bên cạnh đó, hàng năm Công ty đều đặn tổ chức các kỳ nghỉ mát và tham quan tập thể, góp phần đảm bảo đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên, tạo sự đoàn kết, gắn bó trong nội bộ Công ty.

Công tác đào tạo

Để đáp ứng mục tiêu phát triển lâu dài mà Công ty đề ra, Công ty cần đội ngũ nhân sự chất lượng, lành nghề, công tác đào tạo nhân sự là công tác không thể thiếu trong định hướng lâu dài của Công ty.

Hàng năm, Công ty đều tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên tham gia các khoá đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ, và tổ chức đánh giá năng lực thường xuyên để có chế độ thưởng thích hợp, nhằm tạo động lực, phát huy hết tiềm năng của người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn cử cán bộ công nhân viên tham gia các khoá tập huấn về Luật xây dựng, Luật thuế, Luật lao động để đáp ứng sự thay đổi của các văn bản pháp luật.

Với những chính sách như trên, Công ty đã tạo sự gắn kết lâu dài với cán bộ công nhân viên. Trong những năm qua, hầu như không có sự biến động lớn về nhân sự.

Điều kiện và chế độ làm việc

Trong công tác triển khai sản xuất và hoạt động hằng ngày của Công ty luôn ưu tiên về đảm bảo an toàn lao động. Hàng năm Công ty đều thực hiện công tác đánh giá, kiểm tra điều kiện làm việc của nhân viên, đặc biệt là khối sản xuất, thi công, nhằm đáp ứng tiêu chuẩn quy định. Để tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được làm việc trong môi trường tốt hơn, Công ty đã cho đưa vào sử dụng trụ sở làm việc mới. Nơi làm việc như văn phòng, nhà xưởng được trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết, cấp phát đồng phục cho nhân viên theo quy định. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

Chế độ làm việc tuân thủ theo quy định của pháp luật về lao động: làm việc 8 giờ/ngày và có chế độ nghỉ trưa hợp lý. Thời gian nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản được bố trí theo quy định của pháp luật. Người lao động làm việc tại Công ty đủ 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày trong năm, người lao động làm việc chưa đủ 12 tháng được tính số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian thực tế làm việc, cứ 01 tháng tương đương với 01 ngày nghỉ phép. Ngoài ra, người lao động được cộng thêm 01 ngày phép cứ mỗi 05 năm làm việc tại Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- * Tình hình hoạt động kinh doanh
- * Tình hình hoạt động đầu tư
- * Tình hình tài chính
- * Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH CHUNG

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % TH/KH 2019	Tỷ lệ % TH 2019/TH 2018
Sản lượng nước sản xuất	m ³	16.183.904	16.200.000	15.885.590	98,06%	98,16%
Sản lượng ghi thu	m ³	15.104.925	15.115.023	14.806.447	97,96%	98,02%
Tỷ lệ thất thoát nước	%	6,67%	6,70%	6,79%	0,10%	0,13%
Tổng doanh thu	Nghìn đồng	170.260.650	167.729.000	171.148.535	102,04%	100,52%
Lợi nhuận trước thuế	Nghìn đồng	20.172.787	13.789.000	14.777.576	107,17%	73,26%
Lợi nhuận sau thuế	Nghìn đồng	16.068.630	11.031.000	12.466.881	113,02%	77,59%
Tỷ suất LNST/VĐL	%	16,07%	11,03%	12,47%	1,44%	-3,60%
Các khoản nộp ngân sách	Nghìn đồng	7.613.748	3.958.000	4.893.972	123,65%	64,28%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	15		(*)		

(*) Dự kiến chi trả sau khi có nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 giảm so với năm 2018 nhưng đã đạt 113,02% kế hoạch năm 2019. Công ty đã đàm phán thành công với các đơn vị đối tác để lấy nước với giá ưu đãi hơn nhằm giảm chi phí mua nước, cải thiện lợi nhuận cho Công ty, tuy vẫn chưa đạt kết quả tốt như khi Công ty tự khai thác được nước ngầm, nhưng đã vượt kết quả đề ra đầu năm.

Bên cạnh đó, vì chủ yếu lấy nước từ đơn vị khác, với khoảng cách xa hơn so với các giếng khai thác nước ngầm trước đây, nên tỷ lệ thất thoát nước tăng 0,12% so với năm 2018. Tuy nhiên, tỷ lệ thất thoát nước vẫn thấp hơn mục tiêu về tỷ lệ thất thoát nước bình quân theo Quyết định 2147/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (theo quyết định này, mục tiêu đến năm 2020, tỷ lệ thất thoát, thất thu nước bình quân là 18%).

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NƯỚC VÀ TIẾP NHẬN NƯỚC

Công tác sản xuất tại Công ty

Trong năm 2019 Công ty sản xuất và mua nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai thông qua đồng hồ tổng tại Trạm bơm tăng áp Formosa và mua nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới thông qua đồng hồ tổng D600 để cung cấp nước an toàn cho sản xuất của khách hàng.

Công tác sửa chữa và bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị

Công tác sửa chữa bảo trì và khắc phục sự cố kịp thời đảm bảo yêu cầu kỹ thuật phục vụ tốt cho công tác sản xuất.

Trong năm 2019, Công ty đã kiểm tra, súc xả các tuyến ống nước: Tuyến ống cấp nước Tổng cục xăng dầu 186; Tuyến ống cấp nước Khu tái định cư Đại Lộc 1, 2; Tuyến ống cấp nước áp Cầu Kê, áp Bến Cộ, áp Cái Lái; Tuyến ống cấp nước các đường hẻm trên địa bàn thị trấn Hiệp Phước, các xã Phước Thiện, Long Thọ, Phước An, Phú Hội.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện sửa chữa, thay mới, bảo trì hệ thống dẫn nước:

- Sửa chữa ống bể D150 khu dân cư Samco Trung tâm huyện; ống bể D110 hẻm Sáu Xệ, D110 đường đê Phước Lương xã Phú Hữu; ống bể D110 hẻm Nhà Thờ, xã Đại Phước; ống bể D60 đường Dương Văn thì; ống bể D60 PVC khu TDC Đại Lộc 1; ống bể HDPE D160 đường Hùng Vương, xã Phú Đông; ống bể HDPE D110 cấp cho Tổng cục xăng dầu 186; ống bể D110 hẻm Diệp Thanh, xã Phước Thiện; ống bể D200 đường ĐT.769, xã Phú Hội.
- Sửa chữa thay thế ống STK D114 bằng ống HDPE D110 Đường 5A, KCN Nhơn Trạch 2
- Sửa chữa ống bể D160, D225 đường ĐT.769, xã Phước Thiện; ống bể D110 đường Nguyễn An Ninh, TT huyện Nhơn Trạch; ống bể D300 đường Trần Phú
- Sửa chữa sự cố bể tê trụ cứu hỏa số 15 đường Lý Thái Tổ xã Đại Phước
- Kiểm tra, phục hồi van chặn tuyến và van xả cặn tuyến ống cấp nước các đường hẻm trên địa bàn các xã Long Thọ, Hiệp Phước

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện thay thế, bảo trì hệ thống cấp nước và đồng hồ nước khách hàng; kiểm định và thay thế những đồng hồ trên 05 năm sử dụng cho khách hàng; đồng thời, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng Công ty,

Công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ

Tuyên truyền vận động Cán bộ - Công nhân viên thực hiện tốt nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ. Trong năm 2019 công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ thực hiện tốt, không có sự cố nào xảy ra.

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	%TH/KH năm 2018	% thực hiện so với cùng kỳ năm trước
1 Sản lượng nước						
a Sản lượng nước sản xuất	m ³	16.183.904	16.200.000	15.885.590	98,06%	98,16%
- Nước sản xuất Nhơn Trạch	m ³	5.172.870	3.156.500	3.001.958	95,10%	58,03%
- Nước mua qua ĐH tổng	m ³	9.066.953	9.526.500	8.701.136	91,34%	95,97%
- Nước mua qua Hồ Cầu Mới	m ³	1.944.081	3.517.000	4.182.496	118,92%	215,14%
b Sản lượng nước ghi thu	m ³	15.104.925	15.115.023	14.806.447	97,96%	98,02%
- Nước ghi thu Nhơn Trạch	m ³	4.734.124	2.816.333	2.682.647	95,25%	56,67%
- Nước mua qua ĐH tổng	m ³	8.448.237	8.897.751	8.118.635	91,24%	96,10%
- Nước mua qua Hồ Cầu Mới	m ³	1.922.564	3.400.939	4.005.165	117,77%	208,32%
2 Tỷ lệ thất thoát	%	6,67%	6,70%	6,79%	0,09%	0,12%
a - Nhơn Trạch	%	8,48%	10,78%	10,64%	-0,14%	2,16%
b - Qua Đồng hồ tổng	%	6,82%	6,60%	6,69%	0,09%	-0,13%
c - Qua Hồ Cầu Mới	%	1,11%	3,30%	4,24%	0,94%	3,13%
3 Doanh thu	Nghìn đồng	170.260.650	167.729.000	171.148.535	102,04%	100,52%
a Sản xuất nước máy	Nghìn đồng	154.255.834	162.229.000	159.630.353	98,40%	103,48%
- Nhơn Trạch	Nghìn đồng	39.846.790	27.540.000	26.463.793	96,09%	66,41%
- Qua Đồng hồ tổng	Nghìn đồng	94.730.235	99.877.000	91.913.361	92,03%	97,03%
- Qua Hồ Cầu Mới	Nghìn đồng	19.678.809	34.811.000	41.253.200	118,51%	209,63%
b Xây lắp	Nghìn đồng	8.038.601	3.000.000	4.264.016	142,13%	53,04%
c Doanh thu khác	Nghìn đồng	4.395.336		3.720.914		84,66%
d Doanh thu HĐ tài chính	Nghìn đồng	3.570.879	2.500.000	3.533.252	141,33%	98,95%
4 HQ-SXKD	Nghìn đồng	16.068.630	11.031.000	12.466.881	113,02%	77,59%
- Trước thuế	Nghìn đồng	20.172.787	13.789.000	14.777.576	107,17%	73,25%
- Sau thuế	Nghìn đồng	16.068.630	11.031.000	12.466.881	113,02%	77,59%
5 CÁC KHOẢN NỢ NS	Nghìn đồng					
- Phải nộp	Nghìn đồng	7.613.748	3.958.000	4.893.972		64,28%
- Đã nộp	Nghìn đồng	6.501.385		5.280.790		81,23%
6 ĐÃ THU NHẬP BÌNH QUÂN	Nghìn đồng	13.600	13.600	12.568	92,41%	92,41%

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG

- Tổng số thủy lượng kế tính đến ngày 31/12/2019 là: 11.218 đồng hồ.

- Trong năm 2019, lắp đặt đồng hồ nước 1.468 khách hàng.

STT	Khu vực	Lắp đặt mới	Sửa chữa	Thay đồng hồ	Bảo hành	Chuyển nhượng
1	Cơ quan	14	7	9	4	0
a	Nhơn Trạch	13	7	9	4	0
b	Đại Phước	1	0	0	0	0
2	Hộ dân cư	1.454	265	16	97	0
a	Hiệp Phước	505	3	2	5	0
b	Long Thọ	427	0	3	2	0
c	Phước Thiện	84	0	1	5	0
d	Phú Hội	174	0	0	1	0
e	Đại Phước	92	69	6	25	0
f	Phú Hữu	78	193	4	59	0
g	Phú Đông	70	0	0	0	0
h	Phước An	24	0	0	0	0
Tổng cộng		1.468	272	25	101	0

CÔNG TÁC KIỂM TRA HỆ THỐNG CẤP NƯỚC VÀ THỦY LƯỢNG KẾ KHÁCH HÀNG

Nhằm hạn chế tỷ lệ nước thất thoát, định kỳ mỗi tháng 2 lần, Công ty tổ chức kiểm tra hệ thống cấp nước cho khách hàng, doanh nghiệp, kiểm tra mạng lưới cấp nước truyền tải và phân phối, đồng thời khắc phục và giải quyết các trường hợp đồng hồ hư, chạy không chính xác. Trong năm 2019, Công ty đã kiểm tra cho 2.240 lượt khách hàng là các Cơ quan và các Doanh nghiệp tại các Khu công nghiệp và 110 khách hàng là hộ dân cư trên địa bàn.



CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ HOÀN THÀNH, ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

STT	Tên công trình	Ngày hoàn thành (*)
1	Công trình tuyến ống cấp nước HDPE D200 Cụm Công nghiệp Phú Thạnh – Vĩnh Thanh	16/01/2019
2	Công trình Cải tạo thay thế các tuyến ống PVC khu 5 ấp Cát Lái, xã Phú Hữu	24/01/2019
3	Công trình lắp đặt hệ thống bơm dự phòng số 3 trạm bơm Đại Phước	31/05/2019
4	Công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước 20 hèm kết hợp với Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa	15/10/2019
5	Công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước Đường Nguyễn Văn Ký	04/11/2019
6	Công trình Xây dựng tuyến ống chuyển tải D300 đường ĐT.769 xã Đại Phước	06/12/2019

(*) Ngày hoàn thành: Ngày thi công hoàn thành nghiệm thu và đưa vào sử dụng



CÁC CÔNG TRÌNH ĐANG TRIỂN KHAI THI CÔNG

STT	Tên công trình	Tiến độ thực hiện
1	Công trình Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m3/ngày.đêm	Đã khởi công ngày 06/12/2019, đang triển khai xây dựng.
2	Công trình di dời tuyến ống cấp nước HDPE D225 Ngã 3 Bến Cam, xã Phước Thiện	Đã triển khai đặt ống lồng và luồn ống HDPE D225 qua đường, đã hoàn thành thi công phần bên trái đường Trần Phú hướng về ngã ba Bến Cam, tiếp tục triển khai thi công khi có mặt bằng.
3	Công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước 4 hèm xã Đại Phước	Đang triển khai thi công.

CÁC CÔNG TRÌNH ĐANG LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ

STT	Tên công trình	Tiến độ thực hiện
1	Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước D400 đường Nguyễn Văn Cừ	Đã phê duyệt dự án, tạm ngừng triển khai để tập trung vốn vào các công trình khác cấp thiết hơn.
2	Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước D160 đường ĐT.769 xã Long Tân - Phú Thạnh	Trình Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai phê duyệt chủ trương đầu tư.
3	Công trình Xây dựng hàng rào trạm bơm tăng áp Phú Hữu	UBND xã Phú Hữu đã họp để vận động nhưng Bà Tảo không đồng ý cho làm, UBND xã đang báo cáo UBND huyện xử lý.
4	Công trình di dời tuyến ống D400 đường 319	Sở Kế hoạch đầu tư đang trình UBND tỉnh phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công – Dự toán, đang triển khai thi công lắp đặt ống D400 khối lượng 498 m/ 820m.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	% tăng giảm
Tổng tài sản	194.680.668	195.127.006	0,23%
Doanh thu thuần	162.294.434	163.894.368	0,99%
Giá vốn hàng bán	133.950.713	141.901.740	5,94%
Lợi nhuận từ HĐKD	15.781.750	11.163.865	-29,26%
Thu nhập khác	4.950.367	3.720.914	-24,84%
Lợi nhuận trước thuế	20.172.787	14.777.576	-26,74%
Lợi nhuận sau thuế	16.068.630	12.466.881	-22,41%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6,23	4,49
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	5,90	4,21
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	8,63%	10,67%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	9,45%	11,95%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	20,60	24,69
Vòng quay tài sản	Vòng	0,81	0,84
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	9,90%	7,61%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,03%	7,08%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	8,25%	6,40%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	9,72%	6,81%

Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty có sụt giảm so với năm 2018. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm còn 4,49 lần, hệ số thanh toán nhanh giảm còn 4,21 lần. Tuy nhiên các hệ số trên vẫn lớn hơn 1, thêm vào đó các khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng chiếm hơn 50% tài sản ngắn hạn, nên đảm bảo khả năng thanh toán nợ của Công ty cho các khoản nợ ngắn hạn.

Cơ cấu vốn của Công ty

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn tăng so với năm 2018. Công ty vẫn duy trì cơ cấu nợ hằng năm, không sử dụng nợ dài hạn, nên chủ yếu phần nợ tăng lên đến từ nợ ngắn hạn. Trong khoản nợ ngắn hạn, chủ yếu là khoản phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Nước Đồng Nai tăng, do có sự thay đổi trong chính sách thu tiền của Công ty này. Theo chính sách thu tiền mới đàm phán năm nay, Công ty không cần ứng trước tiền mua nước, mà chuyển sang thanh toán sau theo lượng nước mua vào. Chính sách này cũng làm tăng ưu thế về sử dụng vốn của Công ty hơn so với trước đây trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năng lực hoạt động

Năm qua Công ty chủ yếu mua nước từ đơn vị đối tác với giá cao hơn so với chi phí tự khai thác nước ngầm, nên làm cho giá vốn hàng bán tăng, kéo theo vòng quay hàng tồn kho trong năm 2019 tăng lên đến 24,69 vòng, bên cạnh đó vòng quay tổng tài sản cũng tăng nhẹ đến 0,84 vòng. Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Công ty tăng cho thấy trong năm qua Công ty đã thực hiện tốt chính sách quản trị hàng tồn kho và cũng đạt hiệu quả cao hơn trong việc sử dụng tài sản.

Khả năng sinh lời

Trong năm 2019, Công ty không khai thác nước ngầm tại khu vực huyện Nhơn Trạch, mà hoàn toàn mua nước từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới, chi phí mua nước sẽ cao hơn chi phí khai thác nước ngầm tại chỗ, nên giá vốn hàng bán của Công ty tăng 5,94% so với năm 2018, biên lợi nhuận giảm, đây là nguyên nhân làm cho các chỉ tiêu về lợi nhuận giảm.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN CÔNG TY

Cổ phần phổ thông: 10.000.000 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Trong năm qua, Công ty không có sự thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm qua, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2019

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông Nhà nước	5.243.736	52.437.360	52,44%
II	Cổ đông nội bộ	336.180	3.361.800	3,36%
III	Cổ đông trong nước	8.501.054	85.010.540	85,01%
1	Cá nhân	5.865.024	58.650.240	58,65%
2	Tổ chức	2.636.030	26.360.300	26,36%
IV	Cổ đông nước ngoài	1.498.946	14.989.460	14,99%
1	Cá nhân	31.541	315.410	0,32%
2	Tổ chức	1.467.405	14.674.050	14,67%
Tổng cộng		10.000.000	100.000.000	100,00%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ Phần Cấp nước Đồng Nai	5.243.736	52,44%
2	America LLC	1.467.405	14,67%
Tổng cộng		6.711.141	67,11%



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



- * Đánh giá kết quả kinh doanh
- * Tình hình tài chính
- * Kế hoạch phát triển trong tương lai
- * Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- * Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán viên

TÌNH HÌNH KINH DOANH

Tình hình kinh doanh năm 2019

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	TH/KH 2019(%)	TH 2019/ TH 2018 (%)
Tổng doanh thu	170.260.650	167.729.000	171.148.535	102,04%	100,52%
Lợi nhuận trước thuế	20.172.788	13.789.000	14.777.576	107,17%	73,26%
Lợi nhuận sau thuế	16.068.630	11.031.000	12.466.881	113,02%	77,59%

Với nguồn nước mua từ Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai và Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới, Công ty đảm bảo cung cấp nước ổn định phục vụ cho khu công nghiệp và dân cư trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, chất lượng nước đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế. Công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc và thiết bị được thực hiện đầy đủ, đồng thời trong năm Công ty cũng thực hiện kiểm tra, bảo trì hệ thống cấp nước và đồng hồ nước cho khách hàng, kiểm định và thay thế đồng hồ nước của khách hàng trên 05 năm, không đạt yêu cầu chất lượng đo lường. Bên cạnh đó, công tác khắc phục sự cố kỹ thuật, đảm bảo an toàn lao động cũng được chú trọng.

Tuy nhiên, các chỉ tiêu về lợi nhuận có sự sụt giảm so với năm 2018 do giá vốn hàng bán tiếp tục tăng. Nguyên nhân là từ tháng 05/2018, Công ty phải niêm phong các giếng khoan tại khu vực có nước mặt theo Quyết định số 844/QĐ-UBND về phê duyệt danh mục vùng cấm, vùng hạn chế, vùng buộc phải đăng ký khai thác nước dưới đất đối với huyện Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Thành phố Biên Hoà. Dẫn đến từ sau đó Công ty không tự khai thác nước ngầm mà chủ yếu mua nước từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (Dowaco). Tuy nhiên trong năm qua, Công ty đã kiểm soát được mức tăng giá vốn hàng bán do cuối năm 2018, Công ty đàm phán được giá mua nước từ Dowaco giảm 4,00% (8.652 đồng/m³) và giá mua nước từ Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới giảm thêm 5,00% (8.219 đồng/m³) so với Dowaco.

Mặc dù có rất nhiều khó khăn, nhưng theo đánh giá của Ban Giám đốc, với tốc độ đô thị hoá hiện tại, triển vọng phát triển cho ngành cấp thoát nước là rất lớn, Ban Tổng giám đốc sẽ xây dựng những kế hoạch và chiến lược hiệu quả hơn nữa để bắt kịp đà tăng trưởng của ngành, khi việc hạn chế khai thác nước ngầm được thực hiện đồng bộ trên địa bàn huyện Nhơn Trạch khi có nguồn nước mặt.

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị (Nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)
Sản xuất nước	151.288.074	92,63%	154.255.834	90,60%	159.630.353	93,27%
Xây lắp	2.627.630	1,61%	8.038.601	4,72%	4.264.016	2,49%
Doanh thu khác	9.405.934	5,76%	7.966.215	4,68%	7.254.166	4,24%
Tổng Doanh thu	163.321.638	100,00%	170.260.650	100,00%	171.148.535	100,00%

Tổng doanh thu của Công ty đều tăng qua các năm, trong đó tỷ trọng hoạt động sản xuất nước luôn giữ ở mức trên 90%. Trong năm 2019, tỷ trọng doanh thu hoạt động sản xuất nước đạt mức 93,27% trong cơ cấu Tổng doanh thu, cao nhất trong giai đoạn 3 năm 2017 - 2019. Điều này cho thấy Công ty vẫn tập trung nguồn lực vào lĩnh vực kinh doanh chính để hoạt động.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cơ cấu tài sản

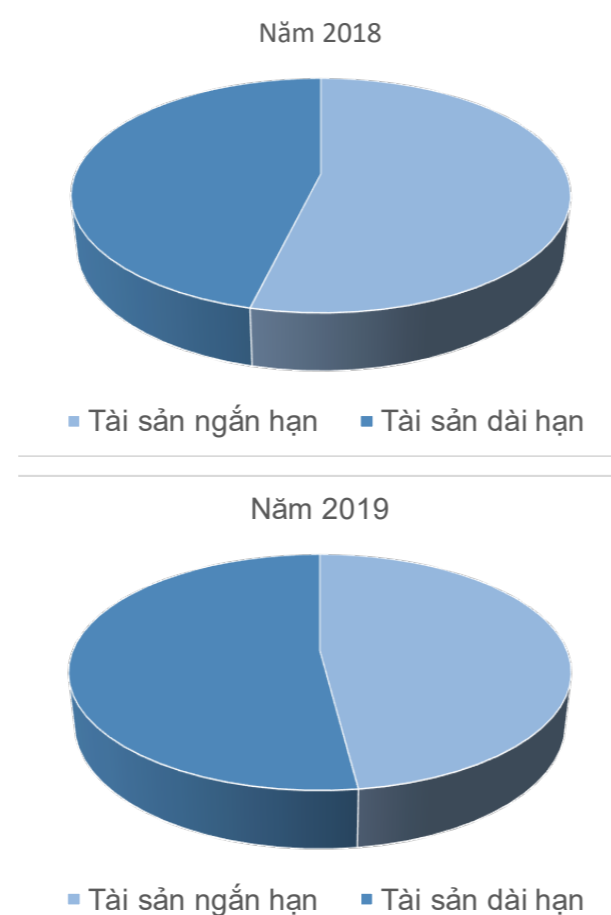
Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ 2019/2018
Tài sản	194.680.668	195.127.006	100,23%
Tài sản ngắn hạn	104.731.480	93.593.992	89,37%
Tài sản dài hạn	89.949.188	101.533.014	112,88%

Tổng tài sản của NTW trong năm 2019 tăng nhẹ 0,23%, tài sản ngắn hạn giảm và tài sản dài hạn tăng. Xét trong cơ cấu tổng tài sản, tỷ trọng tài sản cũng có xu hướng dịch chuyển từ tài sản ngắn hạn sang tài sản dài hạn.

Trong năm 2019, tỷ trọng tài sản dài hạn là 52,03%, trong khi năm 2018 là 46,20%. Điều này cho thấy Công ty đang đầu tư vào tài sản dài hạn, đây là đặc thù ngành cấp thoát nước, Công ty đang dần mở rộng, phát triển mạng lưới đường ống cấp nước, nhà máy xử lý nước Đại Phước.

Cơ cấu trong tài sản

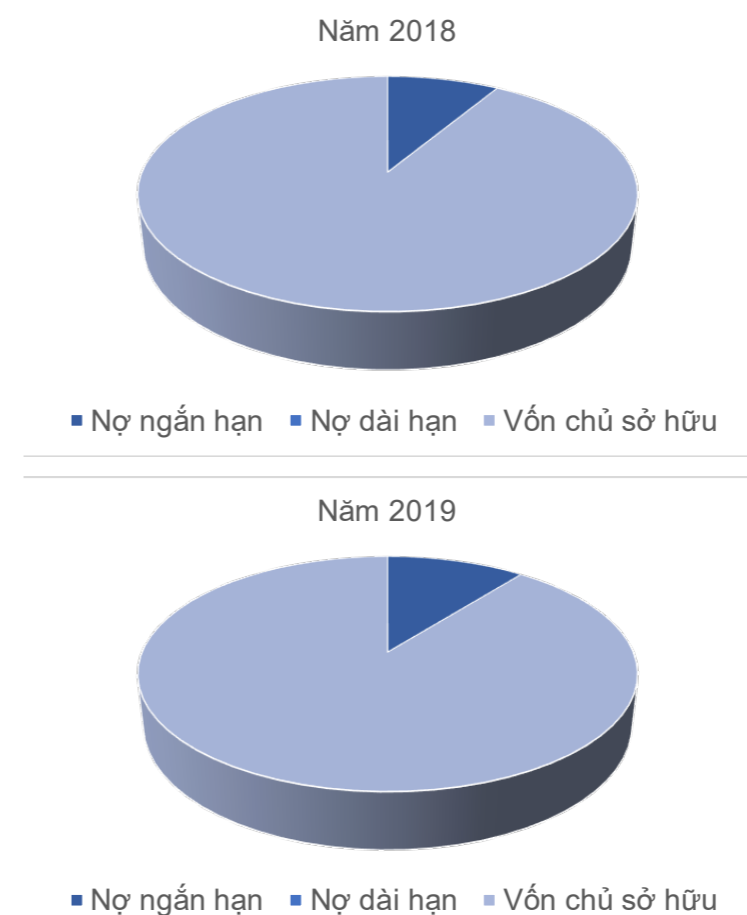


Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ 2019/2018
Nguồn vốn	194.680.668	195.127.006	100,23%
Nợ ngắn hạn	16.806.583	20.827.971	123,93%
Nợ dài hạn	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	177.874.085	174.299.035	97,99%

Cơ cấu trong nguồn vốn



Công ty duy trì chủ trương sử dụng cơ cấu nguồn vốn không vay dài hạn, khoản mục nợ ngắn hạn trong năm qua tăng 23,93% so với năm 2018, trong khi vốn chủ sở hữu giảm nhẹ 2,01%.

Nợ ngắn hạn năm qua tăng chủ yếu đến từ khoản phải trả để mua nước từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tăng hơn 4 tỷ. Tuy nhiên khoản này tăng là vì Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đã thay đổi chính sách thu tiền của Công ty theo từng tháng (Công ty không phải ứng trước tiền mua nước như trước đây).

Đánh giá chung tình hình tài chính của Công ty trong năm qua ổn định. Tài sản được quản lý hiệu quả hơn, tập trung đầu tư dài hạn cho định hướng phát triển lâu dài, giá vốn hàng bán được cải thiện so với năm 2018, cơ cấu vay nợ cũng tiếp tục duy trì hiệu quả kinh doanh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020

Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ % 2020/2019
Sản lượng nước sản xuất	m ³	15.885.590	16.438.823	103,48%
Sản lượng ghi thu	m ³	14.806.447	15.313.569	103,43%
Tỷ lệ thất thoát	%	6,79%	6,85%	100,88%
Tổng doanh thu	Nghìn đồng	171.148.535	172.746.831	100,93%
Lợi nhuận trước thuế	Nghìn đồng	14.777.576	14.603.558	98,82%
Lợi nhuận sau thuế	Nghìn đồng	12.466.881	12.893.203	103,42%
Tỷ suất LNST/VĐL	%	12,47%	12,89%	103,36%
Các khoản nộp Ngân sách	Nghìn đồng	4.893.972	4.551.356	93,00%

Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020

STT	Tên công trình	Tiến độ thực hiện
1	Công trình Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m ³ /ngày.đêm	Tiếp tục triển khai thi công, dự kiến hoàn thành trong quý II năm 2020
2	Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước D400 đường Nguyễn Văn Cừ	Tạm ngừng triển khai để tập trung vốn vào các công trình khác cấp thiết hơn.
3	Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước D160 đường ĐT.769 xã Long Tân - Phú Thạnh	Trình Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai xin chủ trương đầu tư, hoàn thành trong quý III/2020.
4	Công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước 4 hèm trên địa bàn xã Đại Phước	Nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng trong tháng 01/2020
5	Công trình Xây dựng hàng rào trạm bơm tăng áp Phú Hữu	Chờ kết luận của UBND huyện Nhơn Trạch và UBND xã Phú Hữu, triển khai tiếp công trình.
6	Công trình di dời tuyến ống D400 đường 319	Tiếp tục triển khai thi công hoàn thành trong quý I/2020 để kịp thời bàn giao mặt bằng cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tỉnh triển khai thi công hoàn thiện mở rộng đường 319.
7	Công trình di dời tuyến ống cấp nước HDPE D225 Ngã 3 Bến Cam, xã Phước Thiện	Phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tỉnh tiếp tục triển khai thi công khi có mặt bằng thi công, hoàn thành trong quý I/2020.
8	Mạng lưới cấp nước các hèm trên địa bàn các xã Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Thọ, Đại Phước, Phú Đông, Phú Hội, Vĩnh Thanh, Phước Khánh thuộc huyện Nhơn Trạch; nhằm khai thác hiệu quả nguồn nước của các nhà máy nước hiện hữu.	Đang tiếp tục mở rộng bằng nguồn vốn của Công ty và nguồn vốn khác, kết hợp với Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa để đầu tư.

Các biện pháp cụ thể thực hiện kế hoạch

Ban điều hành cần xây dựng các kế hoạch cụ thể, đề ra các biện pháp thiết thực để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được đề ra:

Về công tác quản lý nhân sự

- Tích cực phổ biến, vận động và tuyên truyền cán bộ công nhân viên thực hiện tốt các quy định quy chế làm việc của Công ty, cùng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.
- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, giúp nâng cao về nhận thức, hành động và thực hành tiết kiệm.

Về công tác đảm bảo an ninh trật tự

- Phối hợp với Ban quản lý khu công nghiệp, Công an khu công nghiệp Nhơn Trạch bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực và giải quyết một số công việc có liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh
- Tranh thủ sự quan tâm của Chính quyền địa phương huyện Nhơn Trạch để phát triển các mạng lưới cấp nước cho các khu dân cư, khu công nghiệp trên địa bàn.

Về công tác đảm bảo chất lượng dịch vụ cấp nước

- Tập trung mọi khả năng cung cấp nước ổn định cho sản xuất và sinh hoạt của các Doanh nghiệp và các khu dân cư trên địa bàn.
- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra bảo trì, sửa chữa, nâng cấp mạng lưới cấp nước, hệ thống cấp nước và đồng hồ nước khách hàng hạn chế tỷ lệ thất thoát.
- Bảo dưỡng máy móc thiết bị thường kỳ, khắc phục kịp thời các sự cố kỹ thuật đảm bảo sản xuất ổn định.

Về công tác chăm sóc khách hàng

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp giao dịch tiếp xúc với khách hàng nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong những năm qua, Công ty không ngừng có các kế hoạch cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý, vừa để phù hợp với các quy định của pháp luật, vừa để hoàn thành tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tạo ra những đột phá trong lợi nhuận và phát triển bền vững:

- Cải cách về hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng nhằm nâng cao uy tín và hình ảnh của Công ty đối với khách hàng, áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý khách hàng, tiến hành sử dụng hoá đơn điện tử.
- Phát huy ý thức trách nhiệm, khả năng sáng tạo của người lao động, hướng đến mục tiêu chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn.
- Cải tiến quy trình làm việc, tạo sự liên kết giữa các phòng ban trong Công ty, đảm bảo các phòng ban luôn phối hợp làm việc để mang lại hiệu quả làm việc tốt nhất.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Đơn vị kiểm toán độc lập đã có ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty. Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.





**BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- * Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- * Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- * Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Tình hình hoạt động trong năm

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ TH/KH 2019
Sản lượng nước sản xuất	m ³	16.200.000	15.885.590	98,06%
Sản lượng ghi thu	m ³	15.115.023	14.806.447	97,96%
Tỷ lệ thất thoát nước	%	6,70%	6,79%	0,10%
Tổng doanh thu	Nghìn đồng	167.729.000	171.148.535	102,04%
Lợi nhuận trước thuế	Nghìn đồng	13.789.000	14.777.576	107,17%
Lợi nhuận sau thuế	Nghìn đồng	11.031.000	12.466.881	113,02%
Tỷ suất LNST/VĐL	%	11,03%	12,47%	1,44%
Các khoản nộp ngân sách	Nghìn đồng	3.958.000	4.893.972	123,65%
Tỷ lệ chia cổ tức	%		(*)	

(*) Dự kiến chi trả sau khi có nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua

Mặc dù các chỉ tiêu lượng nước sản xuất và tiêu thụ của Công ty không đạt kế hoạch nhưng tổng doanh thu vượt 2,04% so với kế hoạch, do giá bán nước máy được quy định theo Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành giá cung cấp nước máy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cao hơn giá bán nước ngầm.

Lợi nhuận sau thuế tăng so với kế hoạch đề ra năm 2019. Nguyên nhân là do Công ty đã đàm phán được khung giá mua nước mới ưu đãi hơn từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới. Với khung giá mới này, Công ty phần nào cải thiện được kết quả kinh doanh, tuy lợi nhuận vẫn chưa được tốt như khi tự khai thác được nước ngầm, nhưng đây là vấn đề về chính sách, Công ty cần tuân thủ các quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hội đồng quản trị phối hợp với Ban điều hành giám sát các hoạt động khác của Công ty, đảm bảo theo đúng quy định, điều lệ Công ty cũng như các quy định pháp luật hiện hành, cùng nhau xây dựng kế hoạch khắc phục khó khăn hiện tại, cụ thể đánh giá các mặt hoạt động của Công ty như sau:

- Công tác kiểm tra, đảm bảo chất lượng nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt đến các khu công nghiệp, khu dân cư trên địa bàn huyện Nhơn Trạch được thực hiện tốt, chất lượng nước luôn đạt tiêu chuẩn.
- Các khoản doanh thu và chi phí trong quá trình hoạt động rõ ràng, minh bạch
- Quy chế dân chủ trong Công ty được phát huy
- Đảm bảo thu nhập cho người lao động an tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao
- Phối hợp với địa phương đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội
- Tích cực tham gia công tác xã hội, các đoàn thể xã hội hoạt động có hiệu quả.
- Công tác công bố thông tin được thực hiện theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty cùng nhau phân tích tình hình thị trường để đưa ra những kế hoạch, định hướng để giải quyết các vấn đề phát sinh.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm qua, có nhiều thay đổi có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban giám đốc đã nỗ lực phối hợp cùng Hội đồng quản trị thực hiện các kế hoạch đã đề ra, đồng thời xây dựng các biện pháp để mọi hoạt động của NTW diễn ra thuận lợi, đáp ứng kỳ vọng của Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Kết quả cho thấy Công ty đã hoàn thành được nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, cung cấp nước ổn định, đầy đủ cho sản xuất, sinh hoạt các khu dân cư, khu công nghiệp trên địa bàn hoạt động. Các thành viên trong Ban giám đốc của Công ty đã có một năm làm việc hiệu quả, thành công và mong Ban giám đốc tiếp tục nỗ lực để duy trì kết quả này trong những năm tiếp theo.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã xem qua và nhất trí với các kế hoạch Ban Giám đốc đã trình bày cho năm tài chính tiếp theo. Bên cạnh đó, để có được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tốt hơn, Hội đồng quản trị cũng đề ra các kế hoạch, định hướng:

- Tiếp tục duy trì các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty, nâng cao chất lượng các cuộc họp, phân tích tình hình thực tế của Công ty để xây dựng chiến lược phát triển của Công ty trong thời gian sắp tới, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.
- Tập trung cung cấp nước an toàn và chất lượng cho khách hàng, đảm bảo chất lượng hoạt động xây lắp, đồng thời đưa ra kế hoạch cụ thể để giảm thiểu tình trạng thất thoát nước.
- Quản lý chi phí hoạt động hiệu quả hơn, nhằm tiết kiệm chi phí, tối ưu hoá doanh thu và lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu.
- Để thu hút được nhiều khách hàng tiềm năng hơn, NTW tăng cường cải thiện chất lượng dịch vụ, ứng dụng phần mềm quản lý nhằm nâng cao khả năng quản lý và điều hành, đảm bảo chất lượng phục vụ cho khách hàng.
- Phối hợp giám sát việc thực hiện công bố thông tin, đảm bảo tính minh bạch, công khai theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Tiếp tục lựa chọn Công ty kiểm toán có năng lực và uy tín, thực hiện kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2020.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chiến lược phát triển bền vững bao gồm:

- Về kinh tế
- Về xã hội
- Về môi trường và tài nguyên



Về kinh tế

Cơ sở hình thành và phát triển của Công ty Cấp nước Nhơn Trạch là dân chủ, bình đẳng, tự nguyện, các cổ đông cùng nhau góp vốn cùng chia sẻ lợi nhuận và chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ dựa trên số vốn góp của mình. Công ty đang tạo công việc ổn định cho người lao động, mang lại lợi ích cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Tỉnh Đồng Nai cũng như cả nước.

Với tinh thần đầy trách nhiệm và nhiệt huyết, Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn cố gắng hoàn thành các mục tiêu kinh tế do Đại hội đồng cổ đông đề ra, triển khai thực hiện kế hoạch các năm. Cổ tức được trả cho cổ đông luôn được xem xét, vừa mang lại lợi ích cho các cổ đông, vừa đảm bảo hoạt động lâu dài và sự phát triển bền vững của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Tiêu chí

Giá trị mang lại trong năm 2019

Kết quả hoạt động

Doanh thu thuần: 163,8 tỷ đồng; LNST: 12,4 tỷ đồng

Cổ đông

Hoàn thành chi trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 15%/cổ phiếu

Nộp ngân sách

Tổng khoản nộp ngân sách bằng 4.893.972 nghìn đồng

Người lao động

Mức lương bình quân 2019 là 12,568 triệu đồng/người/tháng



Về xã hội

Công ty đã tạo điều kiện việc làm cho người lao động trong khu vực, góp phần đảm bảo thu nhập cho tập thể cán bộ công nhân viên đang công tác tại Công ty. Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc văn hoá, văn minh, đảm bảo sức khoẻ và tinh thần cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi, lương thưởng hợp lý, đáp ứng nhu cầu chính đáng của các cán bộ công nhân viên đang góp sức cùng Công ty trong việc thực hiện các mục tiêu lớn lao của mình.

Với mục tiêu đóng góp nhiều hơn cho xã hội, Công ty cũng tích cực tham gia các chương trình góp phần mang lại lợi ích chung cho cộng đồng, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, và đặc biệt tham gia các chương trình hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội, đặc biệt là trên địa bàn huyện Nhơn Trạch và tỉnh Đồng Nai.



Về môi trường - năng lượng

Hoạt động cung cấp nước sạch bao gồm các khâu khai thác nguồn nước ngầm và xử lý nguồn nước ngầm khai thác được trước khi đưa vào hệ thống cung cấp nước cho người tiêu dùng ở những địa bàn chưa có nguồn nước mặt. Những khâu này không tránh được việc sử dụng nhiên liệu, tài nguyên nước ngầm và gây ảnh hưởng cho môi trường. Nhưng hiểu được tầm quan trọng của việc cung cấp nước sạch cho người dân cùng trách nhiệm bảo vệ môi trường của mình, Công ty luôn tích cực giám sát chặt chẽ các khâu khai thác, sản xuất, tránh gây lãng phí tài nguyên thiên nhiên, thực hiện đầy đủ các quy trình xử lý chất thải sau sản xuất, tránh gây tác động xấu cho môi trường, đặc biệt là khu vực xung quanh nhà máy.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tìm kiếm các công nghệ hiện đại, thân thiện hơn với môi trường, vừa để nâng cao chất lượng nguồn nước, vừa giúp tiết kiệm nhiên liệu, giảm thiểu các chất phát sinh, góp phần bảo vệ môi trường chung.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

- * Hoạt động của Hội đồng quản trị
- * Hoạt động của Ban kiểm soát
- * Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã có 05 cuộc họp với sự tham dự của đầy đủ các thành viên

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	05	100%	
2	Ông Ngô Dương Đại	Ủy viên HĐQT	05	100%	
3	Ông Trần Văn Thùy	Ủy viên HĐQT	05	100%	
4	Ông Nguyễn Viết Hưng	Ủy viên HĐQT	05	100%	
5	Ông Nguyễn Văn Hồng	Ủy viên HĐQT	05	100%	

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị thường xuyên tiến hành giám sát hoạt động triển khai các kế hoạch đã giao phó cho Ban Giám đốc, bao gồm các chỉ đạo, định hướng phát triển cho Công ty, cùng với các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quý nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện tình hình hoạt động của Công ty, đánh giá kết quả hoạt động trong quý, kịp thời đưa ra những quyết sách nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh và phát triển sản xuất kinh doanh. Xác định các mục tiêu hoạt động dựa trên cơ sở định hướng trung và dài hạn đã đề ra. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị tập trung vào các vấn đề sau:

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng theo từng tháng, từng quý.
- Giám sát và chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quản lý, đồng thời đôn đốc Ban giám đốc quản lý chặt chẽ việc thực hiện các kế hoạch trong các tháng, các quý còn lại.
- Kiểm tra, giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường theo đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu, công tác để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019. Thực hiện Đại hội cổ đông thường niên 2019 thành công tốt đẹp.
- Phê duyệt các chủ trương, đồng thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định, nhằm thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đều tham dự đầy đủ các buổi họp thường kỳ theo đúng quy định trong Điều lệ Công ty, đưa ra những ý kiến đóng góp thiết thực cho việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông tin tưởng và giao phó.

CÁC NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM 2019 CỦA HĐQT

Các Văn bản của HĐQT

STT	Số Văn bản	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/2019/HĐQT-NTW	11/03/2019	Trả lời Đơn đề nghị giải quyết yêu cầu công ty mua lại cổ phần của cổ đông Phí Long.
2	02/2019/HĐQT-NTW	11/03/2019	Chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng tuyến ống truyền tải D300 đường ĐT.769 xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch.
3	03/2019/HĐQT-NTW	03/05/2019	Phúc đáp một số ý kiến qua email của cổ đông Phí Long về một số nội dung liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Các Nghị quyết HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/2019/NQ-HĐQT	25/06/2019	Lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2018.
2	02/2019/NQ-HĐQT	26/04/2019	Chi thường cho Ban quản lý, điều hành Công ty năm 2018.

Các Quyết định của HĐQT

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung
1	01/2019/QĐ-HĐQT-NTW	02/01/2019	Quyết định v/v trình phê duyệt dự toán phát sinh và điều chỉnh tổng dự toán. Công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước D200 cụm công nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh.
2	02/2019/QĐ-HĐQT-NTW	11/01/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Tên dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước thô công suất 2.500m3/ngày.đêm cho nhà máy xử lý nước Đại Phước.
3	03/2019/QĐ-HĐQT-NTW	07/03/2019	Quyết định v/v thanh lý tài sản cố định, vật tư hư hỏng.
4	04/2019/QĐ-HĐQT-NTW	12/03/2019	Quyết định v/v phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư. Công trình: Xây dựng tuyến ống truyền tải D300 đường ĐT.769 xã Đại Phước.
5	05/2019/QĐ-HĐQT-NTW	14/03/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Công trình: Xây dựng tuyến ống truyền tải D300 đường ĐT.769 xã Đại Phước.
6	06/2019/QĐ-HĐQT-NTW	15/03/2019	Quyết định v/v phê duyệt dự toán gói thầu. Gói thầu số 01: Khảo sát địa chất. Công trình: Xây dựng tuyến ống truyền tải D300 đường ĐT.769 xã Đại Phước.

Các Quyết định của HĐQT

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung
7	07/2019/QĐ-HĐQT-NTW	15/03/2019	Quyết định v/v phê duyệt dự toán gói thầu. Gói thầu số 02: Khảo sát địa hình. Công trình: Xây dựng tuyến ống truyền tải D300 đường ĐT.769 xã Đại Phước.
8	08/2019/QĐ-HĐQT-NTW	15/03/2019	Quyết định v/v phê duyệt dự toán gói thầu. Gói thầu số 03: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật. Công trình: Xây dựng tuyến ống truyền tải D300 đường ĐT.769 xã Đại Phước.
9	10/2019/QĐ-HĐQT-NTW	29/03/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Tên dự án: Cải tạo tuyến ống cấp nước PVC D114 khu 5 ấp Cát Lái
10	11/2019/QĐ-HĐQT-NTW	29/03/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Tên dự án: Xây dựng tuyến ống cấp nước D200 cụm công nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh
11	13/2019/QĐ-HĐQT-NTW	12/04/2019	Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
12	14/2019/QĐ-HĐQT-NTW	17/04/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch quỹ lương của người quản lý và quỹ lương của người lao động năm 2019
13	15/2019/QĐ-HĐQT-NTW	17/04/2019	Quyết định v/v phê duyệt mức chi lương hàng tháng cho Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.
14	16/2019/QĐ-HĐQT-NTW	06/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hèm liên ấp 1-2.
15	17/2019/QĐ-HĐQT-NTW	06/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hèm Ông Long.
16	18/2019/QĐ-HĐQT-NTW	06/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hèm Cổng văn hóa ấp 1.
17	19/2019/QĐ-HĐQT-NTW	08/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hèm liên ấp 1-2.
18	20/2019/QĐ-HĐQT-NTW	08/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hèm Ông Long.
19	21/2019/QĐ-HĐQT-NTW	08/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hèm Cổng văn hóa ấp 1.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Quyết định của HĐQT

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung
20	22/2019/QĐ-HĐQT-NTW	13/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Ông Ba Triều.
21	23/2019/QĐ-HĐQT-NTW	13/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Ông Nhẫn.
22	24/2019/QĐ-HĐQT-NTW	13/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Năm Huân.
23	25/2019/QĐ-HĐQT-NTW	15/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Ông Ba Triều.
24	26/2019/QĐ-HĐQT-NTW	15/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Ông Nhẫn.
25	27/2019/QĐ-HĐQT-NTW	15/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Năm Huân.
26	28/2019/QĐ-HĐQT-NTW	20/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật. Công trình: Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m3/ngày.đêm.
27	29/2019/QĐ-HĐQT-NTW	20/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Miếu Bà Tám.
28	30/2019/QĐ-HĐQT-NTW	20/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Ông Tám Thuật.
29	31/2019/QĐ-HĐQT-NTW	20/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Hai Cải.
30	32/2019/QĐ-HĐQT-NTW	22/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Miếu Bà Tám.
31	33/2019/QĐ-HĐQT-NTW	22/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Ông Tám Thuật.
32	34/2019/QĐ-HĐQT-NTW	22/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Hai Cải.
33	35/2019/QĐ-HĐQT-NTW	22/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. Công trình: Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m3/ngày.đêm.
34	36/2019/QĐ-HĐQT-NTW	23/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Karaoke Window.

Các Quyết định của HĐQT

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung
35	37/2019/QĐ-HĐQT-NTW	23/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Cây Me.
36	38/2019/QĐ-HĐQT-NTW	24/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Công trình: Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m3/ngày.đêm.
37	39/2019/QĐ-HĐQT-NTW	24/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật. Công trình: Xây dựng tuyến ống truyền tải D300 đường ĐT.769 xã Đại Phước.
38	40/2019/QĐ-HĐQT-NTW	27/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Karaoke Win-dow.
39	41/2019/QĐ-HĐQT-NTW	27/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Cây Me.
40	42/2019/QĐ-HĐQT-NTW	29/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Công trình: Xây dựng tuyến ống truyền tải D300 đường ĐT.769 xã Đại Phước.
41	43/2019/QĐ-HĐQT-NTW	29/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Ông Ân.
42	43.1/2019/QĐ-HĐQT-NTW	29/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Liên ấp 2-3.
43	44/2019/QĐ-HĐQT-NTW	31/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Ông Ân.
44	44.1/2019/QĐ-HĐQT-NTW	31/05/2019	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Liên ấp 2-3.
45	45/2019/QĐ-HĐQT-NTW	11/06/2019	Quyết định về việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch.
46	46/2019/QĐ-HĐQT-NTW	11/06/2019	Quyết định về việc phê duyệt dự toán gói thầu xây dựng. Gói thầu số 1 - Xây lắp thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị. Công trình: Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m3/ngày.đêm.
47	47/2019/QĐ-HĐQT-NTW	11/06/2019	Quyết định về việc Phê duyệt dự toán gói thầu xây dựng. Gói thầu số 1 - Xây lắp. Công trình: Xây dựng tuyến ống truyền tải D300 đường ĐT.769 xã Đại Phước.
48	48/2019/QĐ-HĐQT-NTW	01/07/2019	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu. Gói thầu số 1 - Xây lắp. Công trình: Xây dựng tuyến ống truyền tải D300 đường ĐT.769 xã Đại Phước.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Quyết định của HĐQT

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung
49	49/2019/QĐ-HĐQT-NTW	13/08/2019	Quyết định v/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Gói thầu số 1: Xây lắp. Công trình: Xây dựng tuyến ống truyền tải D300 đường ĐT.769 xã Đại Phước.
50	50/2019/QĐ-HĐQT-NTW	14/08/2019	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu. Gói thầu số 1 - Xây lắp thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị. Công trình: Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m3/ngày.đêm.
51	51/2019/QĐ-HĐQT-NTW	08/11/2019	Quyết định v/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Gói thầu số 1: Xây lắp thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị. Công trình: Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m3/ngày.đêm.
52	52/2019/QĐ-HĐQT-NTW	25/12/2019	Quyết định v/v thành lập Hội đồng xử lý nợ phải thu của Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
53	53/2019/QĐ-HĐQT-NTW	25/12/2019	Quyết định v/v thành lập Hội đồng đánh giá lại TSCĐ, thay đổi thời gian khấu hao của Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
54	54/2019/QĐ-HĐQT-NTW	30/12/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Ông Ân.
55	55/2019/QĐ-HĐQT-NTW	30/12/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Cổng văn hóa ấp 1.
56	56/2019/QĐ-HĐQT-NTW	30/12/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Liên ấp 1-2.
57	57/2019/QĐ-HĐQT-NTW	30/12/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Năm Huân.
58	58/2019/QĐ-HĐQT-NTW	30/12/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Ông Tám Thuật.
59	59/2019/QĐ-HĐQT-NTW	30/12/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Ông Ba Triều.
60	60/2019/QĐ-HĐQT-NTW	30/12/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Hai Cải
61	61/2019/QĐ-HĐQT-NTW	30/12/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Kar-aoke Window.
62	62/2019/QĐ-HĐQT-NTW	30/12/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Liên ấp 2-3.
63	63/2019/QĐ-HĐQT-NTW	30/12/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Miếu Bà Tám.

Các Quyết định của HĐQT

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung
64	64/2019/QĐ-HĐQT-NTW	30/12/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Cây Me.
65	65/2019/QĐ-HĐQT-NTW	30/12/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Ông Long
66	66/2019/QĐ-HĐQT-NTW	30/12/2019	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hầm Ông Nhẫn.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có



BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2019, Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng, quyền hạn của mình theo đúng quy định trong việc giám sát điều hành công ty, nhằm đảm bảo mang lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn. Với tinh thần trách nhiệm luôn được đặt lên hàng đầu, Ban kiểm soát luôn nỗ lực, nghiêm túc trong mọi hoạt động để mang lại lợi ích cao hơn cho các cổ đông. Các hoạt động của Ban kiểm soát cụ thể như sau:

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ nhằm triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong hoạt động quản lý Công ty, đồng thời thường xuyên đánh giá lại hệ thống rủi ro để có chính sách quản trị rủi ro thích hợp.
- Cử thành viên tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Kiểm tra các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh, kế toán tài chính, tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động khác của Công ty, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả.
- Trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty trong hoạt động quản trị, đảm bảo hoạt động theo phương hướng đã đề ra, tạo ra bộ máy vận hành trơn tru, sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả nhất.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỞNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị				
Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch	108.000		30.000
Ngô Dương Đại	Thành viên	84.000		30.000
Trần Văn Thuỳ	Thành viên	84.000		20.000
Nguyễn Viết Hưng	Thành viên	84.000		10.000
Nguyễn Văn Hồng	Thành viên	84.000		20.000
Ban Kiểm soát				
Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng ban	321.900		23.500
Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên	60.000		10.000
Nguyễn Bá Hải	Thành viên	60.000		10.000
Ban Thư ký				
Nguyễn Ngọc Hiền	Thư ký HĐQT	48.000		
Ban Điều hành				
Ngô Dương Đại	Giám đốc		506.863	
Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám đốc		387.409	25.000
Trần Văn Thuỳ	Kế toán trưởng		377.113	

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có





BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 20.133/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày tháng năm 2020 từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.593.992.202	104.731.480.104
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	6.808.521.252	32.822.971.750
1. Tiền	111		3.808.521.252	7.968.904.592
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	24.854.067.158
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		46.366.295.180	15.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	46.366.295.180	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.435.636.811	48.424.711.993
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	30.490.629.526	33.541.461.328
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	466.811.922	16.460.437.788
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.162.786.189	915.421.103
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.684.590.826)	(2.492.608.226)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	5.849.628.328	5.646.438.319
1. Hàng tồn kho	141		5.849.628.328	5.646.438.319
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.133.910.631	2.837.358.042
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		125.711.502	287.459.191
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.566.359.913	2.528.312.173
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	441.839.216	21.586.678
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		101.533.014.137	89.949.188.326
I. Tài sản cố định	220		100.110.250.131	88.983.261.796
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	99.359.571.679	88.093.573.556
Nguyên giá	222		222.172.134.324	203.622.244.745
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(122.812.562.645)	(115.528.671.189)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	750.678.452	889.688.240
Nguyên giá	228		1.062.156.000	1.062.156.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(311.477.548)	(172.467.760)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.422.764.006	965.926.530
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	1.422.764.006	965.926.530
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		195.127.006.339	194.680.668.430

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		20.827.971.428	16.806.583.587
I. Nợ ngắn hạn	310		20.827.971.428	16.806.583.587
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	12.606.082.490	7.843.612.073
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	436.706.439	95.806.661
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	152.133.225	557.542.615
4. Phải trả người lao động	314		2.297.505.951	1.859.130.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		252.946.920	353.024.754
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.082.596.403	6.097.467.484
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174.299.034.911	177.874.084.843
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	174.299.034.911	177.874.084.843
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.043.138.411	6.043.138.411
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.064.224.203	17.850.498.176
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.191.672.297	53.980.448.256
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		34.724.790.722	37.911.818.123
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.466.881.575	16.068.630.133
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		195.127.006.339	194.680.668.430



Ngô Dương Đại
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng

Vũ Thị Oanh
Người lập

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	163.894.368.543	162.294.434.906
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		163.894.368.543	162.294.434.906
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	141.901.740.070	133.950.713.986
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.992.628.473	28.343.720.920
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.533.251.935	3.570.878.649
6. Chi phí bán hàng	25	5.4	5.430.152.586	6.252.614.656
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	8.931.862.381	9.880.233.987
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.163.865.441	15.781.750.926
9. Thu nhập khác	31	5.6	3.720.914.641	4.395.336.740
10. Chi phí khác	32		107.204.441	4.300.000
11. Lợi nhuận khác	40		3.613.710.200	4.391.036.740
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.777.575.641	20.172.787.666
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	2.310.694.066	4.104.157.533
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.466.881.575	16.068.630.133
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.3	1.157	1.478
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.3	1.157	1.478



Ngô Dương Đại
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng

Vũ Thị Oanh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.777.575.641	20.172.787.666
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	12.304.278.571	13.757.356.513
Các khoản dự phòng	03	5.5	(808.017.400)	177.111.000
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.3	(3.533.251.935)	(3.632.878.649)
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(4.210.002.611)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		22.740.584.877	26.264.373.919
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.639.056.217	(16.615.262.981)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(203.190.009)	1.714.012.296
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.586.410.291	(3.832.604.801)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		161.747.689	(287.459.191)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(3.168.675.520)	(2.700.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.513.640.064)	(2.663.398.607)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.242.293.481	1.879.660.635
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.804.665.309)	(29.244.363.098)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		416.000.000	62.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(31.366.295.180)	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	35.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	3.533.251.935	3.570.878.649
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51.221.708.554)	(5.611.484.449)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.14	(15.035.035.425)	(19.967.223.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.035.035.425)	(19.967.223.100)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(26.014.450.498)	(23.699.046.914)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		32.822.971.750	56.522.018.664
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		6.808.521.252	32.822.971.750



Ngô Dương Đại
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Trần Văn Thù
Kế toán trưởng

Vũ Thị Oanh
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch. Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3059/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp nước Nhơn Trạch thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch chính thức đi vào hoạt động theo hình thức cổ phần từ ngày 14 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 05 tháng 07 năm 2019.

Vốn đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Việt Nam	52.437.360.000	52,44	52.437.360.000	52,44
America LLC	Bahamas	14.345.850.000	14,35	14.345.850.000	14,35
Cổ đông khác	Việt Nam	33.216.790.000	33,21	33.216.790.000	33,21
Cộng		100.000.000.000	100,00	100.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 89 nhân viên (tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 là 93 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình công ích: xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí: lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam trong 49 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí vật liệu bao bì, chi phí vận chuyển,....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, điện thoại, fax, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC, cơ sở cung cấp nước sạch là đơn vị xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hoạt động cung cấp nước: 5%;
- Hoạt động xây lắp: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	209.331.474	317.063.847
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.599.189.778	7.651.840.745
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	24.854.067.158
Cộng	6.808.521.252	32.822.971.750

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6,7% – 7,6%/năm, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	17.366.295.180	5.000.0000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	11.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	10.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông	8.000.000.000	5.000.0000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	5.000.0000.000
Cộng	46.366.295.180	15.000.0000.000

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công ty TNHH Vạn Phúc	1.291.119.074	2.271.119.074
Các khách hàng khác	10.991.623.645	13.054.064.042
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	18.207.886.807	18.216.466.132
Cộng	30.490.629.526	33.541.461.328

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng TMDV Đức Anh	-	1.037.907.940
Công ty TNHH Xây Dựng Anh Ngôn	177.111.000	-
Trung Tâm Tư Vấn - Quy Hoạch - Kiểm Định Xây Dựng Đồng Nai	148.440.000	-
Công ty TNHH MTV Môi Trường Phúc An Khang	99.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	42.260.922	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 6	-	15.050.000.000
Cộng	466.811.922	16.460.437.788

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	1.030.583.234	-	544.234.252	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	119.924.444	-
Tạm ứng	50.909.000	-	113.346.000	-
Phải thu khác	81.293.955	-	137.916.407	-
Cộng	1.162.786.189	-	915.421.103	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.684.590.826	-	2.492.608.226	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND			Tại ngày 01/01/2018 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Vạn Phúc	1.291.119.074	-	Trên 3 năm	2.271.119.074	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	393.471.752	-	Trên 3 năm	221.489.152	-	Trên 3 năm
Cộng	1.684.590.826	-		2.492.608.226	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.171.970.501	-	5.467.355.758	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.677.657.827	-	179.082.561	-
Cộng	5.849.628.328	-	5.646.438.319	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
	Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 500 m ³	912.746.440
Hệ thống cấp nước thô cho nhà máy xử lý nước Đại Phước	-	211.964.179
Tuyến ống cấp nước D200 Cụm Công Nghiệp Phú Thạnh -Vĩnh Thanh	-	357.141.531
Xây dựng tuyến ống truyền tải D300 đường ĐT 769 Xã Đại Phước	171.254.133	-
Công trình khác	338.763.433	139.002.638
Cộng	1.422.764.006	965.926.530

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2019	43.519.544.035	31.936.922.303	126.778.857.243	1.386.921.164	203.622.244.745
Mua trong kỳ	35.000.000	320.140.000	-	-	355.140.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	436.185.675	-	22.639.941.231	-	23.076.126.906
Tặng khác	373.398.403	-	-	-	373.398.403
Hủy tài sản theo quyết định	-	(2.964.780.930)	-	-	(2.964.780.930)
Thanh lý, nhượng bán	(1.828.805.297)	(373.398.403)	-	(87.791.100)	(1.916.596.397)
Giảm khác	-	-	-	-	(373.398.403)
Tại ngày 31/12/2019	42.535.322.816	28.918.882.970	149.418.798.474	1.299.130.064	222.172.134.324
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2019	26.517.350.807	23.177.256.084	65.042.880.744	791.183.554	115.528.671.189
Khấu hao trong kỳ	1.683.884.533	2.724.278.731	8.702.574.590	229.519.116	13.340.256.970
Hủy tài sản theo Quyết định	-	(2.964.780.930)	-	-	(2.964.780.930)
Thanh lý, nhượng bán	(1.828.805.297)	(614.926.564)	(214.094.220)	(87.791.100)	(1.916.596.397)
Giảm khác	(345.967.403)	-	-	-	(1.174.988.187)
Tại ngày 31/12/2019	26.026.462.640	22.321.827.321	73.531.361.114	932.911.570	122.812.562.645
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2019	17.002.193.228	8.759.666.219	61.735.976.499	595.737.610	88.093.573.556
Tại ngày 31/12/2019	16.508.860.176	6.597.055.649	75.887.437.360	366.218.494	99.359.571.679

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 61.621.896.343 VND.

Trong kỳ, Công ty có thay đổi thời gian khấu hao đối với các tài sản cố định thuộc nhóm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, truyền dẫn với tổng chênh lệch chi phí khấu hao so với thời gian khấu hao ban đầu là 1.174.988.187 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2019	617.156.000	445.000.000	1.062.156.000
Tại ngày 31/12/2019	617.156.000	29.292.281.373	1.062.156.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2019	38.134.124	134.333.636	172.467.760
Khấu hao trong kỳ	12.343.116	126.666.672	139.009.788
Tại ngày 31/12/2019	50.477.240	261.000.308	311.477.548
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2019	579.021.876	310.666.364	889.688.240
Tại ngày 31/12/2019	566.678.760	183.999.692	750.678.452

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	3.244.585.042	3.244.585.042	1.753.812.959	1.753.812.959
Phải trả cho các đối tượng khác	2.040.534.774	2.040.534.774	3.089.806.520	3.089.806.520
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	7.320.962.674	7.320.962.674	2.999.992.594	2.999.992.594
Cộng	12.606.082.490	12.606.082.490	7.843.612.073	7.843.612.073

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công Ty TNHH Sợi Chỉ Việt Côn	228.138.432	-
Công Ty Cổ Phần Dịch vụ Đồng Tiến	91.560.372	-
Các khách hàng khác	117.007.635	95.806.661
Cộng	436.706.439	95.806.661

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2019		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2019	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	441.839.216	-	2.310.694.066	3.168.675.520	-	416.142.238
Thuế thu nhập cá nhân	-	39.300.000	567.463.448	506.576.770	21.586.678	-
Thuế tài nguyên	-	89.977.977	1.748.250.714	1.760.815.197	-	102.542.460
Phí, lệ phí và các khoản thuế phải nộp khác	-	22.855.248	267.564.119	283.566.788	-	38.857.917
Cộng	441.839.216	152.133.225	4.893.972.347	5.719.634.275	21.586.678	557.542.615

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

KCN. Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	100.000.000.000	6.043.138.411	16.792.673.664	60.662.161.854	183.497.973.929	
Lãi trong năm trước	-	-	-	16.068.630.133	16.068.630.133	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.057.824.512)	(1.057.824.512)	
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành và quản lý	-	-	-	(634.694.707)	(634.694.707)	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.057.824.512	(1.057.824.512)	-	
Chia cổ tức	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)	
Tại ngày 01/01/2019	100.000.000.000	6.043.138.411	17.850.498.176	53.980.448.256	177.874.084.843	
Lãi trong năm nay	-	-	-	12.466.881.575	12.466.881.575	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(803.431.507)	(803.431.507)	
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành và quản lý	-	-	-	(238.500.000)	(238.500.000)	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.213.726.027	(3.213.726.027)	-	
Chia cổ tức	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)	
Tại ngày 31/12/2019	100.000.000.000	6.043.138.411	21.064.224.203	47.191.672.297	174.299.034.911	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.14.3. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.466.881.575	16.068.630.133
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(894.863.132)	(1.285.485.566)
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	11.572.018.443	14.783.144.567
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.157	1.478

4.14.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2019	17.850.498.176	6.097.467.484
Trích trong kỳ	3.213.726.027	1.137.740.507
Chi trong kỳ	-	(2.152.611.588)
Tại ngày 31/12/2019	21.064.224.203	5.082.596.403

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu cung cấp nước	159.630.352.737	154.255.833.700
Doanh thu hoạt động xây lắp	4.264.015.806	8.038.601.206
Cộng	163.894.368.543	162.294.434.906

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7

	4.201.595	-
--	-----------	---

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	138.713.187.229	128.179.705.953
Giá vốn hoạt động xây lắp	3.188.552.841	5.771.008.033
Cộng	141.901.740.070	133.950.713.986

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	3.216.376.934	2.533.273.057
Lãi chiết khấu thanh toán từ các bên liên quan – Xem thêm mục 7	316.875.001	1.037.605.592
Cộng	3.533.251.935	3.570.878.649

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.002.602.329	2.329.283.259
Chi phí vật liệu bao bì	1.948.094.508	3.629.730.072
Các khoản chi phí bán hàng khác	479.455.749	293.601.325
Cộng	5.430.152.586	6.252.614.656

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.672.770.352	6.622.388.189
Chi phí vật liệu quản lý	102.496.000	265.849.510
Chi phí đồ dùng văn phòng	79.999.919	298.740.927
Chi phí khấu hao	1.278.524.984	874.971.576
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(808.017.400)	177.111.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.748.686	700.409.942
Chi phí khác bằng tiền	1.150.339.840	940.762.843
Cộng	8.931.862.381	9.880.233.987

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Nhận tài trợ kinh phí xây dựng tuyến ống cấp nước từ Formosa	3.070.558.700	4.210.002.611
Lãi từ hoạt động thanh lý tài sản	416.000.000	62.000.000
Thu nhập khác	234.355.941	123.334.129
Cộng	3.720.914.641	4.395.336.740

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí mua nước	109.658.163.296	95.798.586.218
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.692.040.352	10.462.782.726
Chi phí nhân công	17.373.179.554	16.542.182.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.304.278.571	13.757.356.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.056.427.723	5.608.311.534
Chi phí khác bằng tiền	5.179.665.541	6.866.279.082
Cộng	156.263.755.037	149.035.498.803

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	14.777.575.641	20.172.787.666
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	372.059.441	348.000.000
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	15.149.635.082	20.520.787.666
Trong đó:		
Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế (10%)	8.545.824.447	41.041.575.330
Thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế (20%)	6.603.810.635	-
Chi phí thuế TNDN hưởng ưu đãi	854.582.445	4.104.157.533
Chi phí thuế TNDN phổ thông	1.320.762.127	-
Truy thu thuế TNDN	135.349.494	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	2.310.694.066	4.104.157.533

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác phát sinh không đáng kể. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Theo khu vực địa lý

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp | Công ty mẹ sau cùng |
| 2. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai | Công ty mẹ |
| 3. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai | Công ty cùng tập đoàn |
| 4. Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh | Công ty cùng tập đoàn |
| 5. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu thương mại – Xem thêm mục 4.3		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	18.207.886.807	18.216.466.132
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.3		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	-	15.050.000.000
Phải trả thương mại		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	7.151.578.812	2.941.483.104
Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh	169.383.862	58.509.490
Cộng – Xem thêm mục 4.11	7.320.962.674	2.999.992.594

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Bán hàng – Xem thêm mục 5.1		
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	4.201.595	-
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	75.282.228.672	85.956.758.261
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	3.079.706.584	1.063.808.899
Cộng	78.361.935.256	87.020.567.160
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND

Lãi chiết khấu thanh toán

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	316.875.001	950.105.592
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	-	87.500.000
Cộng – Xem thêm mục 5.3	316.875.001	1.037.605.592

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao và thu nhập	1.740.000.000	2.580.104.850
Tiền thưởng	110.000.000	255.400.000
Cộng	1.850.000.000	2.835.504.850

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	485.400.000	536.800.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính



Ngô Dương Đại
 Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Trần Văn Thùy
 Kế toán trưởng

Vũ Thị Oanh
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

2019



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

